

QUYỀN CỦA PHẠM NHÂN NỮ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ NĂM 2019

ĐỖ THỊ PHƯỢNG *

Tóm tắt: Phạm nhân nữ là người bị tước tự do và đang phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân trong các trại giam. Dù bị tước tự do thì các quyền của họ vẫn phải được đảm bảo, trừ một số quyền bị hạn chế theo quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đã có các quy định cụ thể về quyền của phạm nhân nữ. Mặc dù quyền của phạm nhân nữ đã được quy định khá đầy đủ trong Luật này, tuy nhiên vẫn còn một số quy định bất cập, vướng mắc. Bên cạnh đó, do điều kiện giam giữ tại Việt Nam còn nhiều hạn chế nên việc giam giữ đối với phạm nhân nữ vẫn chưa được đảm bảo theo quy định. Bài viết làm rõ các quy định của pháp luật thi hành án hình sự về quyền của phạm nhân nữ, những khó khăn trong thực tiễn giam giữ và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện Luật Thi hành án hình sự năm 2019 và đảm bảo hiệu quả giam giữ phạm nhân nữ tại Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Quyền của phạm nhân nữ; giam giữ; Luật Thi hành án hình sự năm 2019

Nhận bài: 06/8/2021

Hoàn thành biên tập: 27/4/2022

Duyệt đăng: 27/4/2022

THE RIGHTS OF FEMALE PRISONERS UNDER THE PROVISIONS OF THE 2019 LAW ON EXECUTION OF CRIMINAL JUDGMENTS

Abstract: Female prisoners are those who are deprived of their freedom and are serving long-term or life imprisonment. Even when these prisoners are deprived of their freedom, their own rights must be protected, except for some rights that are restricted under provisions of international and Vietnamese laws. The 2019 Law on Execution of Criminal Judgments provides specific provisions on the rights of female prisoners. Although these provisions are relatively complete, there are still some shortcomings and obstacles. In addition, given the actual conditions in Vietnam, the detention regime for female prisoners has not been fully implemented. Therefore, this article seeks to clarify provisions of the Law on Execution of Criminal Judgments on the rights of female prisoners, to improve the law itself and ensure the effective detention of female prisoners in Vietnam.

Keywords: Female prisoner right; detention; The 2019 Law on Execution of Criminal Judgments

Received: Aug 6th, 2021; Editing completed: Apr 27th, 2022; Accepted for publication: Apr 27th, 2022

1. Đặt vấn đề

Phạm nhân nữ đang phải chấp hành án phạt tù là những người bị tước tự do, đang phải chấp hành án phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân. Khái niệm “những người bị tước tự do” không chỉ giới hạn ở những tù

nhân hoặc người bị tạm giam, tạm giữ, mà còn mở rộng đến tất cả những đối tượng khác bị hạn chế tự do theo quy định pháp luật của các nước thành viên, chẳng hạn như những người bị quản chế để học tập, lao động, rèn luyện ở các trại cải tạo, trường giáo dưỡng, bệnh viện tâm thần, cơ sở cai nghiện...¹ Những

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: phuong@hlu.edu.vn

¹ Đoạn 2 khoản 1 Điều 10 Bình luận chung số 9

người này đều bị giới hạn các quyền tự do so với những công dân bình thường. Phụ nữ nói riêng và những người đang phải chấp hành hình phạt tù nói chung tại Việt Nam, ngoài việc bị giới hạn quyền tự do đi lại, tự do cư trú còn bị hạn chế một số quyền công dân, như quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước, quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Các quyền đặc thù của phụ nữ xuất phát từ những đặc điểm về sinh lí, chức năng của phụ nữ. Phụ nữ vốn có những đặc điểm riêng về giới, sinh lí, trong đó có chức năng đặc thù là làm mẹ và nuôi dạy con cái (đặc biệt chức năng sinh đẻ chỉ xuất hiện ở thời điểm, độ tuổi nhất định trong cuộc đời phụ nữ, nếu bị tước tự do trong thời gian dài họ có thể không còn có cơ hội sinh đẻ). Bên cạnh đó, khi ở vào thế yếu, bị lệ thuộc, họ cũng có thể bị lạm dụng tình dục. Vì vậy, phụ nữ cần được xếp vào nhóm có nguy cơ cao bị tổn thương, đặc biệt là khi họ bị tước tự do. Do đó, phụ nữ cần được hưởng các quyền đặc thù xuất phát từ đặc điểm giới trong trường hợp phụ nữ có điều kiện, tiêu chuẩn như nam.

Thi hành án phạt tù là một trong những hoạt động phức tạp, bởi lẽ nó không chỉ đơn thuần liên quan đến đời sống của người bị kết án mà nó còn liên quan đến quyền tự do của phạm nhân là người đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân (Điều 3

Luật Thi hành án hình sự năm 2019 - LTHAHS). Phạm nhân phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ theo quy định của pháp luật. Trại giam là nơi quản lí, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân để họ trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội. Trong thời gian chấp hành hình phạt tù, phạm nhân bị hạn chế quyền tự do đi lại, không có quyền lựa chọn chỗ ở và bị hạn chế những lợi ích vật chất khác hay tinh thần nhất định như không được tự do giao tiếp với gia đình, với xã hội; buộc phải lao động, học tập theo quy định; phải ăn uống, sinh hoạt theo chế độ và thời gian nhất định... Mục đích của việc thi hành hình phạt tù đối với người bị kết án phạt tù nói chung và phụ nữ nói riêng là để bảo đảm cho các cơ quan tư pháp, hành chính thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự pháp luật, bên cạnh đó còn nhằm giáo dục phạm nhân để họ có thể thay đổi nhận thức, hành vi để sau khi chấp hành xong hình phạt có thể quay trở lại cộng đồng trở thành những công dân có ích cho xã hội. Việc đặt ra các chế độ và biện pháp giam giữ đối với phạm nhân cũng nhằm bảo đảm các quyền của người đang phải chấp hành hình phạt tù. Tuy nhiên khi áp dụng những biện pháp này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền của phạm nhân, nếu không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật sẽ dẫn đến vi phạm nghiêm trọng các quyền của họ, nếu thực hiện đúng sẽ bảo vệ được họ khỏi những xâm hại tiêu cực, giúp họ tránh các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình chấp hành hình phạt tù. Do đó, quyền của phạm nhân nữ bị tước tự do phải được ghi nhận và bảo vệ đầy đủ về mặt lập

thông qua tại phiên họp lần thứ 16 năm 1982, Ủy ban Nhân quyền (HRC) đã giải thích thêm một số khía cạnh có liên quan đến nội dung của Điều 10 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và kinh tế năm 1966 của Liên hợp quốc (ICCPR). Những ý kiến bình luận này sau đó được thay thế, bổ sung bằng Bình luận chung số 21 thông qua tại phiên họp lần thứ 44 năm 1992.

pháp, sự thực thi chính xác về mặt hành pháp và sự đảm bảo tối đa về mặt tư pháp. Các quy định về chế độ giam giữ đối với phụ nữ trong LTHAHS phải phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực của pháp luật quốc tế đồng thời phải được áp dụng một cách nghiêm chỉnh, thống nhất và triệt để bởi các cơ quan có thẩm quyền. “Mục đích trước hết của việc THAHS là cảm hóa tư tưởng, giáo dục nhân cách, văn hóa, kỹ năng lao động, nhằm mục đích làm cho người thụ án trở thành một công dân tốt cho xã hội, mặt khác góp phần răn đe, ngăn ngừa chung”². Vì vậy, xuất phát từ mục đích của thi hành án hình sự, việc tổ chức, quản lý thi hành án sẽ hiệu quả hơn, bảo đảm quyền con người hơn nếu bảo đảm được các yêu cầu sau đây: đề cao tính giáo dục, cảm hóa hơn trừng phạt, cải tạo; đảm bảo tôn trọng các quyền con người, quyền công dân nói chung và quyền của người bị kết án phạt tù là phụ nữ nói riêng.

2. Quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyền của phạm nhân nữ và thực tiễn thực hiện

Phạm nhân là nữ giới có những điểm khác biệt so với phạm nhân nam. Điều này xuất phát từ chức năng sinh học, thể lực, đặc điểm tâm sinh lý và xu hướng tính cách của phụ nữ. Nữ giới có sức khỏe yếu hơn nam giới, có đời sống tâm lý phức tạp, dễ bị tổn thương, dễ thích nghi với môi trường mới. Bên cạnh đó, nữ giới có thiên chức làm mẹ, mong muốn được chăm sóc con ngay cả trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất. Những đặc điểm về giới tính này ảnh hưởng

không nhỏ đến việc thực hiện các chế độ, chính sách, sinh hoạt, học tập, lao động đối với phạm nhân là phụ nữ khi bị tước tự do. Đây là nhóm đối tượng cần được quan tâm đặc biệt và pháp luật phải có những quy định riêng biệt đối với họ nhằm tạo điều kiện tốt nhất để họ có thể cải tạo, giáo dục và tái hoà nhập cuộc sống một cách có hiệu quả. Như vậy, đặc điểm về giới tính là căn cứ cơ bản và quan trọng để phân biệt chế độ giam giữ giữa phạm nhân nam và phạm nhân nữ.

Về cơ bản các quy định của LTHAHS năm 2019 đã có những quy định nhằm bảo đảm quyền của phạm nhân nữ. Các quy định này đã “bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, sức khỏe và giúp họ hoàn thiện thiên chức làm mẹ”³. Theo quy định của LTHAHS năm 2019, phạm nhân nữ cũng có các quyền giống như phạm nhân nam khi phải chấp hành án tại trại giam, ngoài ra phạm nhân nữ còn được hưởng các quyền đặc trưng sau:

Thứ nhất, quyền được giam giữ riêng

Điều a khoản 2 Điều 30 LTHAHS quy định: “Trong các khu giam giữ quy định tại khoản 1 Điều này, những phạm nhân dưới đây được bố trí giam giữ riêng: a) Phạm nhân nữ”. Như vậy, phạm nhân nữ được giam giữ ở những khu giam giữ riêng với nam giới trong cùng một trại giam. Việc phân loại trại giam đối với phạm nhân nữ và các phạm nhân khác có ý nghĩa quan trọng trong công tác thi hành án phạt tù giúp việc giam giữ, giáo dục, quản lý phạm nhân nữ được dễ dàng và đạt hiệu quả. Trong các khu giam giữ phạm nhân nữ, các phạm nhân có con dưới 36

² Trương Hòa Bình, “Hoạt động thi hành hình sự hiện nay - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 6 (13), 2002, tr. 15.

³ Đinh Văn Đoàn, Trần Thị Huyền Trang, “Thi hành án phạt tù đối với phạm nhân nữ theo Luật Thi hành án hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 08 (120)/2018, tr. 42.

tháng tuổi theo mẹ vào trại giam được bố trí giam giữ tại các phòng giam riêng. Chỗ nằm tối thiểu của mỗi phạm nhân là 02 m². Đối với phạm nhân có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 03 m² (khoản 4 Điều 48 LTHAHS). Khoản 2 Điều 43 LTHAHS cũng quy định “*không áp dụng cùm chân đối với phạm nhân nữ*” nếu họ bị chịu hình thức kỉ luật đến mức phải bị cùm chân.

Hiện nay Việt Nam có 54 trại giam nằm rải rác ở các tỉnh thành trên cả nước và chưa có trại giam nào dành cho phạm nhân nữ. Phạm nhân nữ được giam ở các khu riêng trong 23 trại giam/54 trại giam này. Năm 2016, trong tổng số 133.936 phạm nhân có 12.579 phạm nhân nữ, chiếm tỉ lệ 9,39%. Năm 2018, trong tổng số 128.916 phạm nhân có 14.625 phạm nhân nữ, chiếm 11,34%. Năm 2020, trong tổng số 135.754 phạm nhân có 15.224 phạm nhân nữ, chiếm 11,21%⁴. Nếu tính quy mô giam giữ trung bình của mỗi trại giam hiện nay là khoảng 2.000 phạm nhân/1 trại giam thì với số lượng 15.224 phạm nhân nữ, sẽ cần khoảng 8 trại giam riêng dành cho phạm nhân nữ trên cả nước. Quy định về quy mô giam giữ phạm nhân, Liên hợp quốc đã đề cập trong “Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân” như sau: “*Số tù nhân trong các nhà tù kín không được nhiều đến mức làm cản trở việc cá nhân hoá sự đối xử với tù nhân. Một số quốc gia đã tính toán là số tù nhân trong những nhà tù như vậy không vượt quá 500 người... Mặt khác, cũng không nên duy trì những nhà tù quá nhỏ đến mức không được*

cung cấp đủ cơ sở vật chất” (điểm c và điểm d Quy chế 63)⁵. Như vậy, với các số liệu thống kê trên cho thấy, các trại giam của Việt Nam hiện nay đang vượt quá số lượng phạm nhân bị giam giữ đặc biệt là ở các trại giam chung cả nam và nữ. Vấn đề này dẫn đến tình trạng quá tải trầm trọng trong các trại giam của Việt Nam hiện nay: “*Có trại giam có số lượng phạm nhân vượt gấp 02 lần quy mô giam giữ; diện tích chỗ nằm của phạm nhân bình quân chỉ đạt 1,8 m²/phạm nhân*”⁶. Tại một số trại giam ở Việt Nam vẫn đang phải sử dụng nhà cấp 4 để cho phạm nhân ở, nhiều công trình phục vụ giam giữ phạm nhân như nhà bếp, nhà ăn, phòng học tập, thư viện, bệnh xá chưa được đầu tư xây dựng cơ bản, phương tiện kĩ thuật phục vụ quản lí, giam giữ, phòng, chống cháy nổ, chống bạo loạn chưa được trang bị đầy đủ. Các hạng mục công trình chính như nhà giam, nhà ở, nhà ăn, vệ sinh ngoài trời, nhà bệnh xá, nhà học tập trung, nhà kỉ luật... còn thiếu so với quy mô giam giữ. Nhiều công trình phụ trợ phục vụ cho việc thực hiện chế độ, chính sách giáo dục, cải tạo phạm nhân chưa được đầu tư xây dựng hoặc đầu tư đồng bộ như nhà giam riêng, phòng học xoá mù chữ, sân đường nội bộ⁷. Sự quá tải về nơi ở như vậy

⁴ Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lí trại giam cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, *Báo cáo tổng kết công tác trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng các năm 2018, 2020*.

⁵ Liên hợp quốc, *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955 (Standard Minimum Rules for the Treatment of Prisoners, adopted Aug.30, 1955 by the First United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders, U.N)*, <http://hrlibrary.umn.edu/instreet/g1smr.htm>, truy cập 23/4/2022.

⁶ Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lí trại giam cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, *Dự thảo Báo cáo tổng kết công tác trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng các năm 2018, 2020*.

⁷ Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lí trại giam cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, *Dự thảo Báo*

dẫn đến vấn đề vệ sinh, môi trường sống, phòng bệnh truyền nhiễm không thực sự được đảm bảo. Đồng thời cũng nảy sinh các vấn đề phức tạp về an toàn, trật tự trại giam, gây khó khăn cho công tác tổ chức quản lý, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Mặc dù được giam giữ riêng tại các phân trại nhưng cơ sở vật chất xuống cấp, chật chội cũng ảnh hưởng lớn đến phạm nhân nữ đang bị giam giữ trong các trại giam này. Bên cạnh đó, do số lượng quá tải trong các trại giam nên phạm nhân nữ không được chia tách thành các nhóm đối tượng khác nhau ở các buồng giam. Tình trạng giam chung phạm nhân nữ ở các nhóm tội phạm với nhau dẫn đến khó khăn cho việc quản lý, giáo dục các phạm nhân ở các mức độ tội phạm khác nhau, độ tuổi khác nhau. Việc giam giữ chung cùng trại giam với phạm nhân nam cũng làm xảy ra tình trạng các phạm nhân nam và phạm nhân nữ có quan hệ tình cảm trái phép với nhau.

Thứ hai, quyền được có các chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, học tập, liên lạc phù hợp

Đối với quyền được ăn, mặc, ở, sinh hoạt của phạm nhân nữ, Điều 49 LTHAHS năm 2019 quy định: *“Phạm nhân nữ có quyền được cấp thêm đồ dùng cần thiết cho vệ sinh của phụ nữ”*. Phạm nhân nữ trong thời gian nghỉ sinh con được bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng ăn theo chỉ dẫn của y sĩ hoặc bác sĩ, được cấp phát thực phẩm, đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh. Phạm nhân nữ nuôi con dưới 36 tháng tuổi được bố trí thời gian phù hợp để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Trẻ em dưới 36 tháng tuổi, trẻ em từ 36 tháng tuổi trở lên trong thời gian chờ đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội là con của phạm

nhân ở cùng mẹ trong trại giam được hưởng chế độ ăn, mặc, ở, cấp phát nhu yếu phẩm và được chăm sóc y tế, khám chữa bệnh để bảo đảm thực hiện quyền của trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em. Trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục đề nghị đăng kí khai sinh cho con của phạm nhân. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phạm nhân chấp hành án có trách nhiệm đăng kí và cấp giấy khai sinh. Phạm nhân nữ có con từ 36 tháng tuổi trở lên phải gửi con về cho thân nhân nuôi dưỡng. Trường hợp con của phạm nhân không có thân nhân nhận nuôi dưỡng thì trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan thi hành án hình sự công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu phải đề nghị cơ quan chuyên môn về lao động, thương binh và xã hội thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi phạm nhân chấp hành án chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội tiếp nhận, nuôi dưỡng. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan chuyên môn về lao động, thương binh và xã hội thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phải chỉ định cơ sở bảo trợ xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, nuôi dưỡng. Người chấp hành xong án phạt tù được nhận lại con đang được cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dưỡng. Trong trường hợp phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi tại trại giam, tiêu chuẩn ăn được quy định cao hơn để đảm bảo sức khoẻ của người mẹ. Quy định này được thể hiện rõ hơn trong Nghị định số 133/2020/NĐ-CP ngày 09/11/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của LTHAHS. Theo đó, chế độ đối với phạm nhân nữ có thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi và chế độ đối với trẻ em ở cùng mẹ trong trại giam

cáo Tổng kết công tác trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng năm 2018.

được quy định như sau: Phạm nhân nữ trong thời gian mang thai, nghi sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong cơ sở giam giữ phạm nhân thì tổng định lượng ăn bằng 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường so với định lượng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 133/2020/NĐ-CP và được hoán đổi theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ; phạm nhân nữ sinh con trong trại giam được cấp các đồ dùng cần thiết cho việc chăm sóc trẻ sơ sinh tương đương 01 tháng định lượng ăn của trẻ em là con phạm nhân theo quy định.

Chế độ ăn của trẻ em dưới 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng mẹ trong cơ sở giam giữ phạm nhân được hưởng như đối với trẻ em dưới 04 tuổi tại cơ sở bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành; ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật trẻ em được hưởng chế độ ăn bằng 05 lần ngày thường, ngày Quốc tế thiếu nhi (ngày 01/6 dương lịch), Tết trung thu (ngày 15/8 âm lịch) được hưởng chế độ ăn bằng 02 lần ngày thường. Mỗi tháng được cấp sữa và đồ dùng sinh hoạt cần thiết trị giá tương đương 20 kg gạo tẻ/trẻ em. Căn cứ vào lứa tuổi của trẻ và điều kiện thực tế, Thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân hoán đổi định lượng chế độ ăn cho phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của trẻ em ở cùng mẹ trong trại giam hoặc quy đổi thành tiền và gửi lưu kí để mẹ trẻ em sử dụng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trẻ em dưới 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng mẹ trong trại giam được cấp: 04 khăn mặt/năm; 02 kg xà phòng/năm; 03 bộ quần áo bằng vải thường/năm; 01 màn phù hợp với lứa tuổi/03 năm; 02 đôi dép/năm; 01 chăn phù hợp với lứa tuổi/03 năm (từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 05 tỉnh Tây Nguyên); 01 bộ quần áo ấm/01 năm

(cấp từ tỉnh Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc và 05 tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại không cấp). Ngoài ra, trẻ em dưới 36 tháng tuổi còn được cấp thẻ bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, khám chữa bệnh theo quy định. Trường hợp bị bệnh nặng vượt quá khả năng điều trị của bệnh xá, cơ sở giam giữ phạm nhân làm thủ tục chuyển đến cơ sở y tế của Nhà nước để điều trị, thủ trưởng cơ sở giam giữ phạm nhân quyết định việc trích xuất và áp giải phạm nhân là mẹ của trẻ đi cùng để chăm sóc. Tiền thuốc chữa bệnh thông thường được cấp không quá 03 kg gạo tẻ/trẻ em/tháng.

Chế độ ăn, mặc, cấp phát nhu yếu phẩm, chăm sóc y tế đối với trẻ em trên 36 tháng tuổi là con của phạm nhân ở cùng mẹ tại cơ sở giam giữ phạm nhân trong thời gian chờ làm thủ tục đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc chờ gửi về thân nhân nuôi dưỡng được thực hiện tương tự theo quy định dành cho trẻ dưới 36 tháng nêu trên. Việc quy định chế độ ăn riêng cho phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước. Về cơ bản, chế độ ăn này là phù hợp, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người phụ nữ trong giai đoạn mang thai và nuôi con nhỏ.

Về quyền được học tập của phạm nhân nữ tại các trại giam hiện nay cũng gặp không ít khó khăn, do trình độ văn hoá, mức độ nhận thức của các phạm nhân nữ ở mỗi trại giam là khác nhau, do đó việc thực hiện các chương trình học văn hoá, dạy nghề cho phạm nhân nữ cũng gặp nhiều khó khăn trong việc phân chia các lớp học. Việc học nghề đối với phạm nhân nữ cũng gặp không ít khó khăn tại các trại giam trên cả nước. Các ngành nghề được học không phù hợp với đòi hỏi của xã hội và

địa phương. Nhiều phạm nhân sau khi chấp hành xong hình phạt tù về cư trú ở thành phố, đô thị không có điều kiện sử dụng ngành nghề đã được trang bị để tự lao động, sinh sống khi ở trong trại giam nên họ không có việc làm ổn định. Công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân nữ tại các trại giam chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng nhu cầu lao động xã hội.

Về quyền được liên lạc của phạm nhân nữ hiện nay không có quy định đặc biệt trong LTHAHS mà chế độ liên lạc của phạm nhân nữ đối với người thân được quy định giống như các phạm nhân khác. Khoản 2 Điều 54 LTHAHS quy định: *“Phạm nhân được liên lạc điện thoại trong nước với thân nhân mỗi tháng 01 lần, mỗi lần không quá 10 phút, trừ trường hợp cấp bách. Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện xem xét, quyết định việc cho phạm nhân liên lạc bằng điện thoại và tổ chức kiểm soát việc liên lạc này”*. Quy định chung như trên là chưa đảm bảo được quyền của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có thai và đang nuôi con dưới 36 tháng. Bởi vì, hiện nay nhiều trại giam ở nơi xa xôi, hẻo lánh, việc thân nhân lên thăm gặp có thể rất khó khăn, trong khi xét về đặc điểm giới, phạm nhân nữ thường có nhu cầu trao đổi thông tin về gia đình, thăm hỏi con cái nhiều hơn phạm nhân nam. Đặc biệt, nhu cầu được liên lạc, tâm sự, chia sẻ của nhóm phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi là rất cao, *“những phạm nhân này cũng cần được gia đình động viên khuyến khích trong giai đoạn thực hiện thiên chức làm mẹ hoặc chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục con cái... Do đó, để đảm bảo nâng cao đời sống tinh*

*thần với nhóm phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, LTHAHS nên có quy định riêng về số lần và thời lượng liên lạc điện thoại của nhóm phạm nhân này với thân thân của mình”*⁸.

Thứ ba, quyền được chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh

Chế độ chăm sóc y tế đối với phụ nữ có thai được quy định riêng tại khoản 1 Điều 51 LTHAHS như phạm nhân nữ có thai nếu không được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thì được bố trí nơi ở hợp lí, được khám thai định kì hoặc đột xuất, được chăm sóc y tế trong trường hợp cần thiết...

Trong thời kì mang thai, phạm nhân nữ được hưởng chế độ chăm sóc y tế đặc biệt, được đảm bảo quyền lợi cơ bản như những phụ nữ có thai bình thường khác đó là khám thai thường xuyên hoặc đột xuất. Điều này là rất cần thiết vì trong thời kì mang thai, sức khỏe người phụ nữ có nhiều thay đổi, cần được kiểm tra định kì để đảm bảo sự phát triển bình thường của bào thai.

Thứ tư, quyền được bố trí lao động phù hợp với giới tính

Lao động vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của phạm nhân trong trại giam. Việc tổ chức cho phạm nhân lao động nhằm mục đích chính là giáo dục, cải tạo phạm nhân, giúp phạm nhân hiểu được giá trị của lao động, nâng cao sức khỏe và tay nghề. Phạm nhân được bố trí chế độ lao động phù hợp với độ tuổi, giới tính, sức khỏe và khả năng lao động. Tuy nhiên, từ thực tiễn giam giữ cũng cho thấy số phạm nhân không nghề nghiệp

⁸ Đỗ Thị Phương (chủ nhiệm), *Những vấn đề lí luận và thực tiễn về thi hành án phạt tù tại Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2015, tr. 152.

chiếm 50,6%, làm nông nghiệp chiếm 28,2%, các nghề khác chiếm 21,2%⁹. Đặc điểm nhân thân trên của phạm nhân nữ ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện chế độ quản lý giam giữ, giáo dục phạm nhân nữ¹⁰.

Đối với phạm nhân nữ, chế độ lao động được quy định tại khoản 2 Điều 32 LTHAHS, theo đó phạm nhân nữ được bố trí làm công việc phù hợp với giới tính; không được bố trí làm công việc không sử dụng lao động nữ theo quy định của pháp luật về lao động. Riêng đối với phạm nhân nữ có thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi, luật quy định chế độ lao động riêng, phù hợp với thể trạng của họ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 32 LTHAHS thì phạm nhân nữ có thai được nghỉ lao động trước và sau khi sinh con theo quy định của pháp luật về lao động. Phạm nhân có con dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng mẹ trong trại giam mà bị bệnh, được y tế trại giam xác nhận cũng được nghỉ lao động.

Thực tế cho thấy, phạm nhân nữ tại một trại giam chủ yếu được đào tạo nghề may, thêu ren, thủ công mỹ nghệ, trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản thậm chí có nơi còn được học làm móng, làm mi mắt giả¹¹... Đây là những công việc nhẹ nhàng, phù hợp với

phụ nữ. Riêng đối với phạm nhân nữ có thai và nuôi con dưới 36 tháng tuổi, luật quy định chế độ lao động riêng, phù hợp với thể trạng của họ. Tuy nhiên, do kinh phí hạn chế, thiếu giáo viên dạy nghề có trình độ và tình hình kinh tế suy giảm, nhiều doanh nghiệp tạm dừng liên kết lao động với các trại giam nên công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề cho phạm nhân gặp nhiều khó khăn.

Như vậy về cơ bản, LTHAHS đã có những quy định mang tính đặc thù về giới để bảo đảm quyền cho phụ nữ đang phải chấp hành hình phạt tù tại các trại giam. Các quy định này nhằm bảo đảm cho phụ nữ đang bị giam giữ được giam giữ riêng, được ăn, mặc, ở, sinh hoạt, liên lạc, học tập và lao động phù hợp với sức khoẻ, giới tính đặc biệt là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng. Tuy nhiên, từ những phân tích thực trạng giam giữ ở trên cho thấy, việc áp dụng các quy định này trong việc giam giữ còn nhiều khó khăn, tồn tại cần phải có những giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả các quyền của phạm nhân nữ tại các trại giam của Việt Nam hiện nay.

3. Một số kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả quyền của phạm nhân nữ

3.1. Hoàn thiện Luật Thi hành án hình sự năm 2019 về quyền của phạm nhân nữ

Một là, cần bổ sung trong LTHAHS về việc tăng số lần và thời lượng liên lạc điện thoại của phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi với nhân thân của mình

Như trên đã phân tích, đối với phạm nhân nữ có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi không ở cùng trong trại giam, nhu cầu gặp gỡ con và người nhà để có thể thăm hỏi, quan tâm chăm sóc con là nhu cầu chính đáng. Điều này rất quan trọng và cần thiết, phần nào bù đắp sự

⁹ Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lý trại giam cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, *Báo cáo tổng kết công tác trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng năm 2020*.

¹⁰ Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lý trại giam cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, *Báo cáo tổng kết công tác trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, 2016 - 2020*.

¹¹ Hoàng Mẫn, *Dạy nghề giúp phạm nhân khi hoàn lương hòa nhập với cộng đồng*, <https://dangcong-san.vn/xa-hoi/day-nghe-giup-pham-nhan-khi-hoan-luong-hoa-nhap-voi-cong-dong-530824.html>, truy cập 23/4/2022.

thiếu hụt tinh cảm cho các cháu bé cũng như tạo động lực để phạm nhân nữ có thể cải tạo tốt hơn, sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình. Việc khuyến khích phạm nhân nữ có con dưới 36 tháng tuổi duy trì liên lạc thường xuyên với gia đình, người thân để họ nhận được sự động viên, quan tâm của gia đình, đồng thời có thể gần gũi con cái không những tạo tâm lý tốt trong quá trình học tập, lao động tại trại giam là một việc làm thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước đối với đối tượng này. Do đó, để đảm bảo nâng cao đời sống tinh thần với nhóm phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, LTHAHS nên có quy định riêng về số lần và thời lượng liên lạc điện thoại của nhóm phạm nhân này với nhân thân của mình, có thể là: “*Phạm nhân nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi được liên lạc điện thoại trong nước với nhân thân một tháng hai lần, một lần không quá 15 phút*”.

Hai là, LTHAHS cần quy định cụ thể mức giảm thời gian lao động để phù hợp với giới tính nữ.

Quy định với phạm nhân nữ có thai được giảm thời gian lao động là hoàn toàn hợp lý vì phụ nữ có thai có sự thay đổi về thể trạng so với người bình thường, sức khỏe ít nhiều bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, nếu chỉ quy định chung chung như trong LTHAHS là phạm nhân nữ có thai được giảm thời gian lao động nhưng không quy định cụ thể mức giảm là như thế nào sẽ dẫn đến mỗi trại giam áp dụng một mức giảm khác nhau, sẽ không đảm bảo được sự công bằng cho các phạm nhân nữ có thai. Phạm nhân nữ có thai nên được giảm 1/3 định mức thời gian lao động và trong trường hợp đặc biệt có thể được giảm nhiều hơn do ban giám thị trại giam

quyết định khi có xác nhận của cơ sở y tế. Ví dụ: trong trường hợp phạm nhân nữ mang thai nhưng thai nhi không khỏe dẫn đến người mẹ phải nghỉ ngơi nhiều để giữ thai, dẫn đến người mẹ không thể thực hiện được công việc theo quy định.

Ba là, LTHAHS cần quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của các cán bộ nữ trong các trại giam phạm nhân nữ đồng thời quy định tiêu chuẩn của các cán bộ nữ phải được đào tạo về nhạy cảm giới và bình đẳng giới.

Về vấn đề này, Quy tắc số 32 của Các quy tắc về giáo dục phạm nhân nữ và các biện pháp không tạm giam cho phụ nữ vi phạm pháp luật của Liên hợp quốc quy định: “*Nữ cán bộ nhà tù phải được tiếp cận các chương trình tập huấn bình đẳng như các nam cán bộ nhà tù và tất cả các cán bộ nhân viên có liên quan trong việc quản lý nhà tù dành cho phụ nữ phải được đào tạo về nhạy cảm giới và cảm nhận biệt đối xử, cũng như về vấn đề quấy rối tình dục*”¹².

Trong Quy tắc 53 của Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của Liên hợp quốc cũng quy định rất cụ thể về nhiệm vụ của cán bộ nữ trong trại giam như sau:

“*a. Trong nhà tù có cả nam và nữ, khu nhà tù dành riêng cho nữ phải dưới quyền của một nữ nhân viên có trách nhiệm, nắm giữ tất cả các chìa khóa của toàn bộ khu nhà tù đó.*”

¹² Các quy tắc về giáo dục phạm nhân nữ và các biện pháp không tạm giam cho phụ nữ vi phạm pháp luật (Quy tắc Băng Cốc), 2010, (Bổ sung cho Quy tắc 46 đến 55 của Bộ quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân). (- United Nations Rules for the Treatment of Women Prisoners and Non-custodial Measures for Women Offenders (The Bangkok Rules https://www.unodc.org/documents/justice-and-prison-reform/Bangkok_Rules_ENG_22032015.pdf, truy cập 22/4/2022.

b. Không có cán bộ, nhân viên nam nào được vào khu dành riêng cho tù nhân nữ trừ khi có một nữ nhân viên nhà tù đi kèm.

c. Tù nhân nữ chỉ do cán bộ, nhân viên, nữ trông nom và giám sát. Tuy nhiên, điều này không loại trừ việc cán bộ, nhân viên nam, mà cụ thể là bác sĩ và giáo viên, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của mình trong các nhà tù hoặc các khu tù riêng của nữ¹³.

Hiện nay LTHAHS chưa quy định về quyền hạn, trách nhiệm và các tiêu chuẩn của cán bộ nữ làm nhiệm vụ trông nom, giám sát phạm nhân nữ trong trại giam. Thực tế ở các trại giam của Việt Nam hiện nay các cán bộ nữ còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Trong khi đó, việc giáo dục phạm nhân nữ trên thực tế khó hơn phạm nhân nam do có đặc thù về giới. So với cán bộ quản giáo nam, cán bộ quản giáo nữ dễ tiếp xúc, trò chuyện và giáo dục phạm nhân nữ hơn. Do đó, mục tiêu trước mắt là các trại giam của Việt Nam cần tăng cường về số lượng và chú ý đào tạo đội ngũ cán bộ quản giáo nữ tương ứng với yêu cầu chuyên môn, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là chú ý đào tạo cho các cán bộ nữ về nhạy cảm giới, bình đẳng giới, cảm phân biệt đối xử, cũng như về vấn đề quấy rối tình dục, xâm hại tình dục...

3.2. Bảo đảm hiệu quả quyền được giam giữ riêng phạm nhân nữ tại các trại giam

Thứ nhất, các trại giam cần nhanh chóng thực hiện quy định về tha tù trước thời hạn

có điều kiện để giảm số lượng phạm nhân nói chung và phạm nhân nữ nói riêng đang bị giam giữ quá tải trong các trại giam. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, tập trung nguồn lực để xây mới trại giam cho phạm nhân nữ hoặc mở rộng các phân trại trong trại giam có hàng rào ngăn cách giữa các phân trại. “Để giải quyết tình trạng thiếu cơ sở giam giữ và cơ sở chữa bệnh cho phạm nhân trong các trại giam cần quy hoạch lại các trại giam và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trại giam”¹⁴.

Hiện nay việc thực hiện quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện mới được thực hiện ở một số trại giam trên cả nước. Số lượng người được tha tù trước thời hạn còn khá ít so với điều kiện được thi hành. Vì vậy, các trại giam trên cả nước cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động tha tù trước thời hạn có điều kiện. Muốn vậy, Việt Nam cần nhanh chóng tháo gỡ các vướng mắc trong công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện để đảm bảo thuận lợi hơn cho hoạt động này. Các cơ quan có thẩm quyền cần có những hướng dẫn cụ thể về quy định tha tù trước thời hạn có điều kiện trong Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và LTHAHS để việc thực hiện biện pháp này được nhanh chóng và hiệu quả. Bộ Công an cũng cần có hướng dẫn cụ thể như thế nào là người được tha tù trước thời hạn có điều kiện “bảo đảm không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội” và giao cụ thể cho cấp xã, phường xác minh nội dung này. Bên cạnh đó, các trại giam cũng cần phối hợp với các địa phương để có những biện pháp hữu hiệu nhằm đảm bảo

¹³ Điều a, b Quy chế 53 Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955 - Standard Minimum Rules for the Treatment of Prisoners, adopted Aug.30,1955 by the First United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders, U.N, <http://hrlibrary.umn.edu/instree/g1smr.htm>, truy cập 23/4/2022.

¹⁴ Nguyễn Văn Nam, *Thi hành án phạt tù ở Việt Nam trước yêu cầu cải cách Tư pháp*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, tr. 167.

hiệu quả việc tái hoà nhập cộng đồng đối với người tha tù trước thời hạn có điều kiện... Chỉ khi có hướng dẫn cụ thể, tháo gỡ những vướng mắc trong các điều kiện, nội dung áp dụng thì việc thực hiện biện pháp này mới có thể nhanh chóng và hiệu quả trên thực tế và từ đó mới có thể giảm tải được số lượng phạm nhân nói chung và phạm nhân nữ nói riêng trong các trại giam hiện nay.

Như trên đã phân tích, Việt Nam chưa có trại giam riêng cho phạm nhân nữ. Cùng với sự gia tăng về số lượng phạm nhân nữ thì cơ cấu thành phần phạm nhân nữ tại các trại giam cũng hết sức phức tạp, có đủ các thành phần khác nhau. Do đó, ngoài việc phải bảo đảm quyền của từng phạm nhân nữ thì Việt Nam cũng cần phải bảo đảm quyền theo từng nhóm phạm nhân cho phù hợp. Vì vậy, nếu có trại giam riêng cho phạm nhân nữ có thể tách các nhóm độ tuổi và các nhóm thành phần phạm nhân nữ ra thành các phân khu khác nhau trong trại giam để việc quản lý, giáo dục được hiệu quả hơn. Điểm a Quy tắc 8 trong Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân của Liên hợp quốc quy định: *“Nam và nữ phải được giam giữ riêng càng xa càng tốt trong các nhà tù riêng. Trong một nhà tù tiếp nhận cả nam và nữ thì khu dành cho nữ phải hoàn toàn riêng biệt”*¹⁵. Như vậy, Việt Nam mới chỉ thực hiện việc giam giữ phạm nhân nữ ở phân trại riêng trong một nhà tù chứ chưa có nhà tù

riêng cho phạm nhân nữ. Việc xây dựng thêm các nhà tù riêng cho nữ là điều khó có thể làm trong thời gian ngắn, tuy nhiên Việt Nam cần tính đến việc xây mới các trại giam riêng dành cho phạm nhân nữ. Bên cạnh đó *“Bộ Công an cần nghiên cứu thiết kế mô hình trại giam mới cho phù hợp với quy định của LTHAHS cũng như tình hình kinh tế xã hội. Với điều kiện kinh tế như hiện nay chúng ta có thể thiết kế các mẫu buồng giam từ 4 đến 8 phạm nhân là hợp lý và cũng thuận tiện để giám thị các trại giam tiến hành giam riêng”*¹⁶.

Để giải quyết các vấn đề trước mắt khi chưa có đủ nguồn lực để xây dựng trại giam riêng cho phạm nhân nữ thì các trại giam này cần được xây các hàng rào phân cách giữa phân trại của phạm nhân nữ và phân trại phạm nhân nam. Bên cạnh đó, các trại giam cũng cần sửa chữa, nâng cấp để đáp ứng được tốt hơn các quyền ăn, mặc, ở, sinh hoạt, học tập, lao động, chăm sóc y tế, sức khoẻ sinh sản... của phạm nhân nữ. Khi các phạm nhân nữ tập trung về các trại giam riêng cũng sẽ đảm bảo thuận lợi hơn trong việc giáo dục phạm nhân một cách chuyên sâu hơn dựa theo yếu tố về giới tính, các các hoạt động văn nghệ, thể thao, tư vấn tâm sinh lý phong phú và phù hợp với giới tính nữ, tập trung được các y bác sĩ chuyên khám và điều trị các loại bệnh của phụ nữ (như phát hiện ung thư vú, ung thư tử cung, khám phụ khoa định kì...) và quan tâm, chăm sóc phụ nữ có thai, nuôi dạy các trẻ em theo mẹ vào trại giam được thuận lợi hơn.

¹⁵ Quy tắc thứ 8 điểm a Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu về đối xử với tù nhân năm 1955 - Standard Minimum Rules for the Treatment of Prisoners, adopted Aug.30,1955 by the First United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders, U.N, <http://hrlibrary.umn.edu/instree/g1smr.htm>, truy cập 23/4/2022.

¹⁶ Nguyễn Hữu Duyệt, “Những điểm mới về chế độ quản lý, giam giữ phạm nhân trong Luật thi hành án hình sự năm 2019”, *Tap chí Luật học*, số 11/2020, tr. 30.

3.3. *Bảo đảm bảo quyền được học nghề phù hợp đối với phạm nhân nữ trong các trại giam*

Các trại giam cần cải cách nội dung giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân nữ, đào tạo những ngành nghề phù hợp nhu cầu xã hội, tạo điều kiện cho phạm nhân nữ sau khi chấp hành án có thể sử dụng nghề để kiếm sống. Bên cạnh đó, các trại giam cần chủ động phối hợp với chính quyền địa phương thông báo tình hình chấp hành án của phạm nhân nữ; phối hợp với gia đình phạm nhân, cơ quan, tổ chức tham gia giáo dục dạy nghề cho phạm nhân nữ; xây dựng chương trình và tổ chức tư vấn những vấn đề cần thiết về hoà nhập cộng đồng như giới thiệu những thành tựu kinh tế, xã hội của đất nước; tác hại của các tệ nạn xã hội... cho phạm nhân nữ. Đặc biệt chú ý đến việc đưa các ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ vào việc quản lí, giáo dục phạm nhân nói chung, phạm nhân nữ nói riêng. Ở các trại giam có số lượng phạm nhân nữ lớn cần tính đến việc cải tiến những ngành nghề phù hợp với phạm nhân nữ nhưng cũng tính đến các nhu cầu việc làm của phạm nhân nữ sau khi họ chấp hành xong bản án phạt tù để họ có thể nhanh chóng tái hoà nhập cộng đồng, ổn định công việc và có nghề nghiệp chính đáng ngoài xã hội.

Bên cạnh đó, các trại giam cũng cần nhanh chóng bổ sung, cập nhật các chương trình, nội dung giáo dục, dạy nghề cho phù hợp với tình hình mới, điều kiện kinh tế mới của đất nước; triển khai có hiệu quả chương trình tái hoà nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù là phụ nữ.

Tóm lại, quyền của người bị tước tự do nói chung và người bị tước tự do là phụ nữ nói riêng tại các cơ sở giam giữ của Việt Nam là vấn đề nhạy cảm, phức tạp. Mặc dù quy định của LTHAHS về chấp hành án phạt tù đối

với phạm nhân nữ đã tương đối đầy đủ, cụ thể song vẫn còn một số quy định vướng mắc, bất cập, khó thi hành trong thực tiễn. Bên cạnh đó việc áp dụng các quy định này vẫn còn nhiều tồn tại xuất phát từ cơ sở vật chất còn yếu kém của các trại giam, ý thức tôn trọng và thực thi pháp luật của cán bộ trại giam và của các phạm nhân nữ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thi hành án trong việc bảo đảm quyền của phạm nhân nữ còn chưa cao... Do đó cần tiếp tục hoàn thiện LTHAHS và giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong các trại giam trên cả nước nhằm đảm bảo quyền cho các phạm nhân nói chung và phạm nhân nữ nói riêng, giúp đỡ họ cải tạo tốt để có thể sớm trở lại cộng đồng và thành công dân có ích cho xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trương Hòa Bình, “Hoạt động thi hành hình sự hiện nay – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”, *Tạp chí Khoa học pháp lí*, số 6 (13), 2002.
2. Nguyễn Hữu Duyên, “Những điểm mới về chế độ quản lí, giam giữ phạm nhân trong Luật thi hành án hình sự năm 2019”, *Tạp chí Luật học*, số 11/2020.
3. Đinh Văn Đoàn, Trần Thị Huyền Trang, “Thi hành án phạt tù đối với phạm nhân nữ theo Luật Thi hành án hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lí Việt Nam*, số 08 (120)/2018.
4. Nguyễn Văn Nam, *Thi hành án phạt tù ở Việt Nam trước yêu cầu cải cách Tư pháp*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Những vấn đề lí luận và thực tiễn về thi hành án phạt tù tại Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, 2015.